TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-PT
Ngày 15 – 9 – 2021
Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Ông Phạm Văn Ngọt

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Xa Riêng – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 12/2021/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 146/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 28/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Chí L, sinh năm: 1992

Địa chỉ: Ấp TX, xã HKT B, huyện CL, tỉnh BT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1976

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn MC, huyện MCN, tỉnh BT.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Ngọc C, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ấp TX, xã HKT B, huyện CL, tỉnh BT

Nơi cư trú: Ấp PQ, xã VH, huyện CL, tỉnh BT

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Trương Thị X – Công ty Luật hợp danh LĐ thuộc Đoàn Luật sư tỉnh BT.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Ngọc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2020, văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Đặng Chí L trình bày:

Vào ngày 10/5/2014, ông và bà Lê Thị Ngọc C qua quá trình tự nguyện tìm hiểu nhau, tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HKT B ngày 16/6/2014. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xung đột. Từ đó, làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2020 đến nay mà không thể hàn gắn. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Ông yêu cầu giải quyết cho ông ly hôn với bà C, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Gồm có một con chung tên Đặng Thị Tuyết Nsinh ngày 08/7/2016, hiện đang sống với ông và bà C. Khi ly hôn, ông yêu cầu được quyền nuôi con và không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị Ngọc C trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của ông L về thời gian kết hôn và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông L có người phụ nữ khác, nhưng nếu ông L cương quyết ly hôn thì bà cũng đồng ý ly hôn và không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Bà C yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của bà và ông L là cháu Đặng Thị Tuyết Nsinh ngày 05/7/2016, hiện đang sống với ông bà và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện CL đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các điều 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của Đặng Chí L và bà Lê Thị Ngọc C. Ông L và bà C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Giao cho ông Đặng Chí L được quyền trực tiếp nuôi người con chung của ông và bà C là cháu Đặng Thị Tuyết Nsinh ngày 05/7/2016, ông L không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom con mà không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án quyết định hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, ông L và bà C có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án quyết định về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con, trên cơ sở lợi ích của con thì người thân thích, Cơ quan quản lý Nhà nước và gia đình và trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 5 năm 2021, bà Lê Thị Ngọc C kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo, bà Lê Thị Ngọc C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần con chung. Bà cho rằng từ lúc cháu Đặng Thị Tuyết Nra đời bà là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu. Ông Đặng Chí L có lối sống không chung thủy, không biết làm ăn, không quan tâm chăm sóc vợ con, bản thân ông L rất đam mê chơi game. Ông L muốn giành quyền nuôi con chủ yếu do cha mẹ ông L muốn bắt cháu Ngân để chăm sóc chứ riêng ông L thì không có khả năng chăm sóc cháu Ngân. Bản thân bà có công việc làm ăn ổn định, có cơ sở cây giống tại nhà, chăm sóc con sẽ thuận tiện hơn ông L. Trước đây ông L cũng đồng ý để bà nuôi cháu Ngân nhưng sau đó cha mẹ ông L không đồng ý nên ông L mới yêu cầu nuôi con. Ngày 08/01/2021, Tòa án cũng xác minh bản thân ông L không có nghề nghiệp ổn định và ông L hiện tại rất nghiện chơi game. Bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, giao cháu Ngân cho bà trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Ngọc C giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đặng Chí L không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà C, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lê Thị Ngọc C trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc C, sửa một phần bản án sơ thẩm, giao con chung là cháu Đặng Thị Tuyết Ncho bà Lê Thị Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng vì bà C có điều kiện và khả năng chăm sóc cháu Ngân tốt hơn ông Đặng Chí L.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đặng Chí L trình bày: Bà Lê Thị Ngọc C không có tài sản riêng, không có nhà riêng mà

đang ở chung với cha mẹ ruột, căn nhà không đảm bảo nơi ở tối thiểu để sinh hoạt và bà C cũng không đảm bảo các điều kiện khác về đi lại, làm việc để có thể chăm sóc và đưa đón cháu Ngân đến trường. Về phía ông Đặng Chí L thì có nhà riêng, có công việc ổn định, vị trí từ nhà ông L đến trường cháu Ngân đang học cũng thuận tiện hơn. Hơn nữa, ông L chăm sóc cháu Ngân tốt hơn bà C. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc C, sửa một phần bản án sơ thẩm về con chung, giao cháo Đặng Thị Tuyết Ncho bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả trông tụng. Xét kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc C và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị Ngọc C kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về hôn nhân, tài sản chung và nợ chung: Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Đặng Chí L và bà Lê Thị Ngọc C, ông L và bà C đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn. Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi tuyên án, các đương sự không có kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị về các nội dung này nên đã phát sinh hiệu lực.

[3] Về con chung: Ông L và bà C đều trình bày có 01 con chung tên Đặng Thị Tuyết Ngân, tuy nhiên ông L thì trình bày cháu Ngân sinh ngày 08/7/2016, bà C thì trình bày cháu Ngân sinh ngày 05/7/2016. Qua xem xét hồ sơ vụ án thì bản sao trích lục khai sinh cháu Đặng Thị Tuyết Nsinh ngày 05/7/2016, do đó có cơ sở xác định con chung của ông L và bà C là cháu Đặng Thị Tuyết Nsinh ngày 05/7/2016. Theo lời trình bày của ông L và bà C thì trước khi Tòa án giải quyết việc ly hôn ông L và bà C thay phiên mỗi người nuôi dưỡng cháu Ngân một tuần nhưng khi ly hôn thì ông L và bà C đều yêu cầu Tòa án giải quyết được quyền trực tiếp nuôi con. Xét thấy, trên cơ sở chứng cứ mà hai bên đương sự cung cấp thì ông L và bà C đều có đủ điều kiện về kinh tế để đảm bảo cuộc sống vật chất cho cháu Ngân. Tuy nhiên, xét về điều kiện hiện tại ông L có nhà riêng ở HKT B, bà C thì đang sống chung với cha mẹ và một người anh ở căn nhà có diện tích khá nhỏ. Cháu Ngân đang học ở Trường mầm non HKT B, gần nhà ông L hơn nhà cha mẹ bà C. Hiện tại, cháu Ngân đang do ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng nên nhằm ổn định việc học, tránh làm xáo trộn tinh thần của cháu Ngân cần giao cháu Ngân cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, ông L cũng cam kết đảm bảo việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Ngân của bà C.

Từ những phân tích trên, thấy rằng bà Lê Thị Ngọc C kháng cáo nhưng không có căn cứ nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Trong trường hợp này, ông L và bà C không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và ra bản án sơ thẩm. Do ông L và bà C đã thỏa thuận tự nguyện ly hôn nên các đương sự chỉ phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn (mỗi bên phải chịu 25% mức án phí quy định). Vì vậy, điều chỉnh về phần án phí sơ thẩm, do ông L tự nguyện chịu cả phần án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm của bà C nên ông L phải chịu 150.000 đồng.

[8] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lê Thị Ngọc C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Ngọc C. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 146/2021/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 51, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của Đặng Chí L và bà Lê Thị Ngọc C. Ông L và bà C đều không yêu cầu Tòa án

giải quyết về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Ông Đặng Chí L và bà Lê Thị Ngọc C có 01 con chung là cháu Đặng Thị Tuyết Nsinh ngày 05/7/2016. Giao con chung là cháu Đặng Thị Tuyết Ncho ông Đặng Chí L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc ông Đặng Chí L không yêu cầu bà Lê Thị Ngọc C cấp dưỡng nuôi con, bà Lê Thị Ngọc C cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Bà Lê Thị Ngọc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu bà Lê Thị Ngọc C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì ông Đặng Chí L có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà C.

Ông Đặng Chí L cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Lê Thị Ngọc C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, ông Đặng Chí L và bà Lê Thị Ngọc C có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Đặng Chí L phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004507 ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Bến Tre. Hoàn lại cho ông L số tiền án phí đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm: Bà Lê Thị Ngọc C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007250 ngày 05 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện CL;
- Chi cục THADS huyện CL;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THAHS tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng